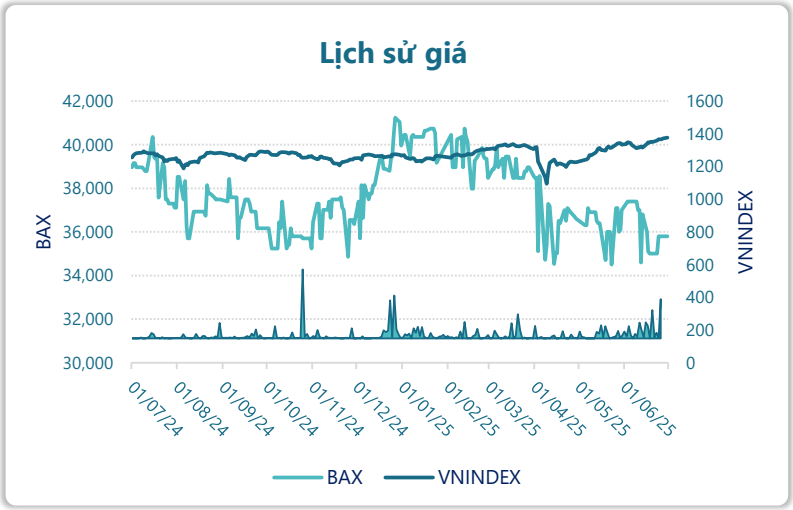
FireAnt

CTCP Thống Nhất (HNX: BAX)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**35,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	41,235
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	34,500
SL cổ phiếu LH	8,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	260
% sở hữu nước ngoài	16.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	294
P/E	9.8
EPS	3,654

DT thuần

Q2/25

40.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 21.2| 111%

YoY: ▲ 21.6| 116%

LN sau thuế

Q2/25

12.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.57| 114%

YoY: ▲ 3.47| 39.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

38.3%

+/- YoY: ▼ 21.5%

DT thuần

6T 2025

59.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 23.0| 63.1%

LN sau thuế

6T 2025

18.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.40| 23.1%

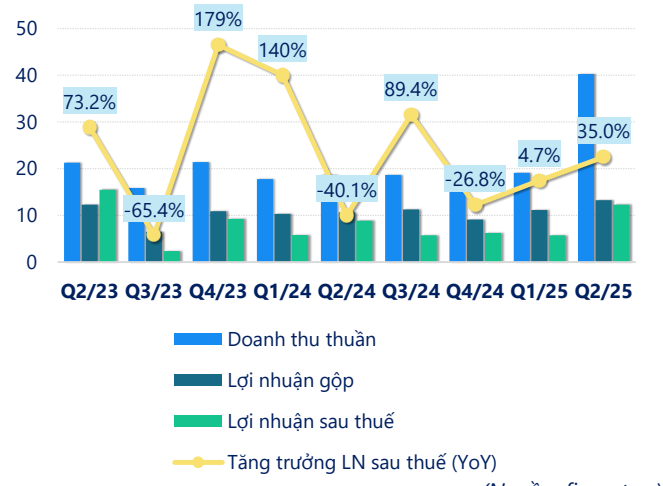
ROE

Q2/25

13.6%

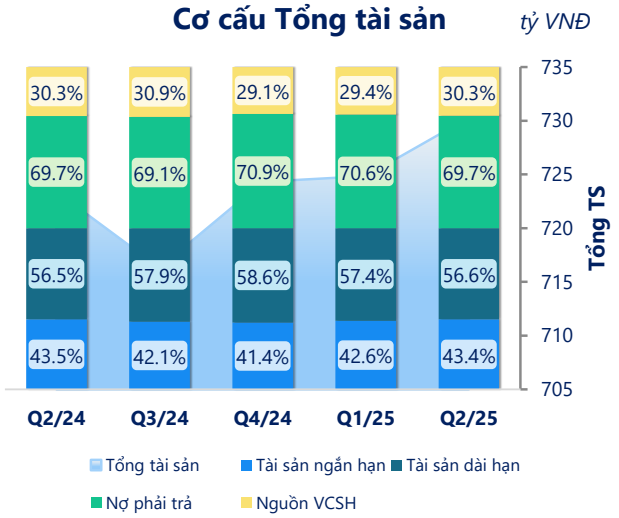
+/- YoY: ▲ 1.5%

Kết quả kinh doanh



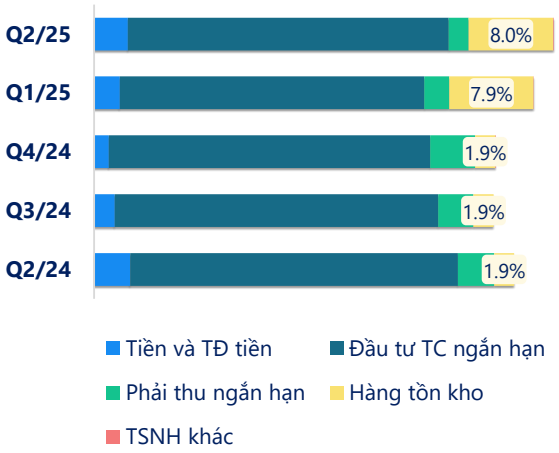
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



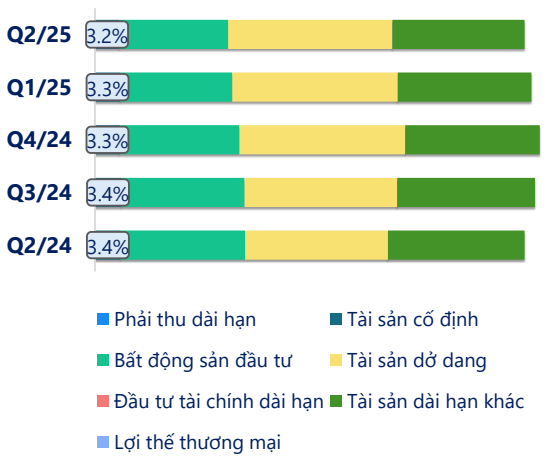
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



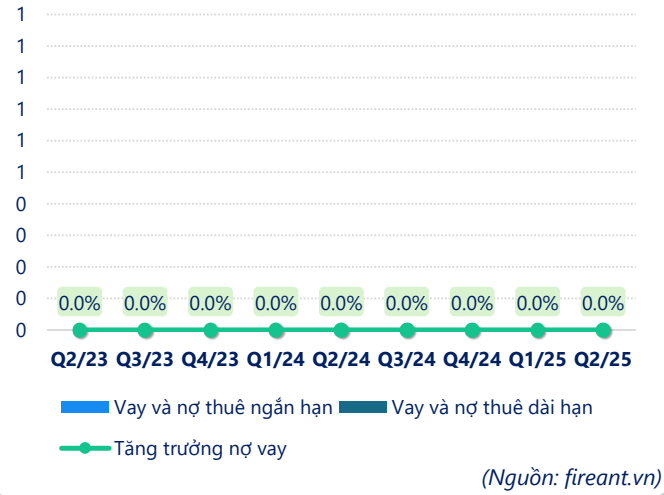
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



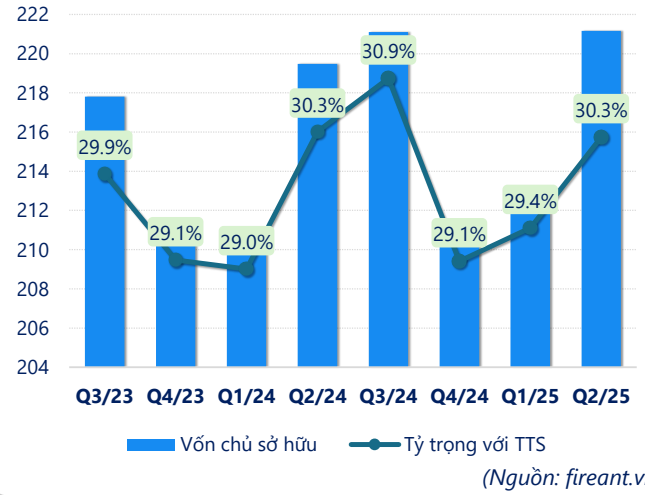
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



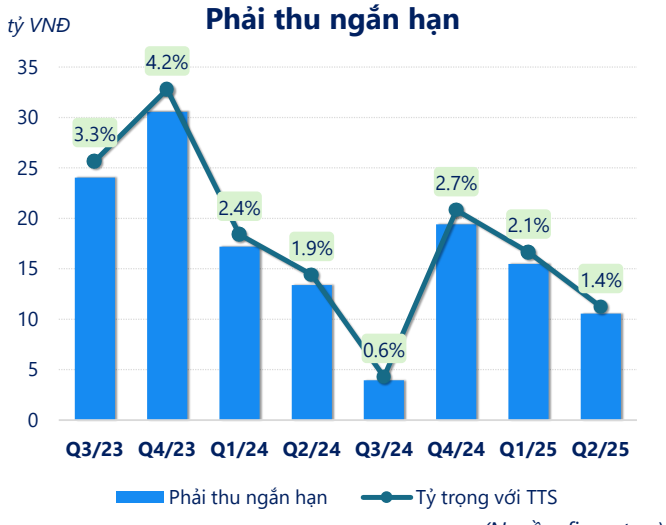
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



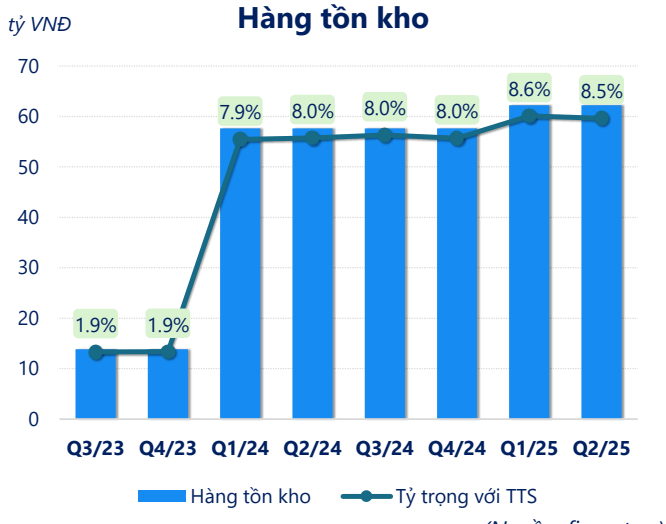
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



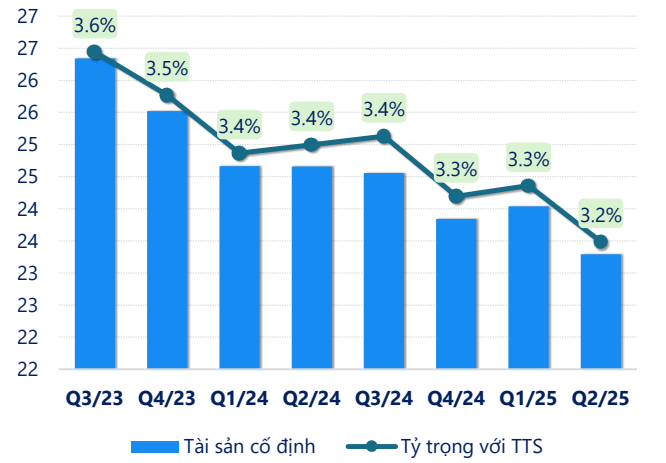
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



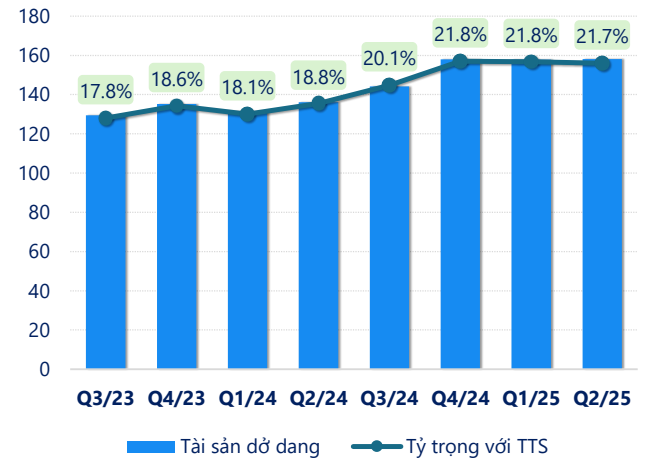
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



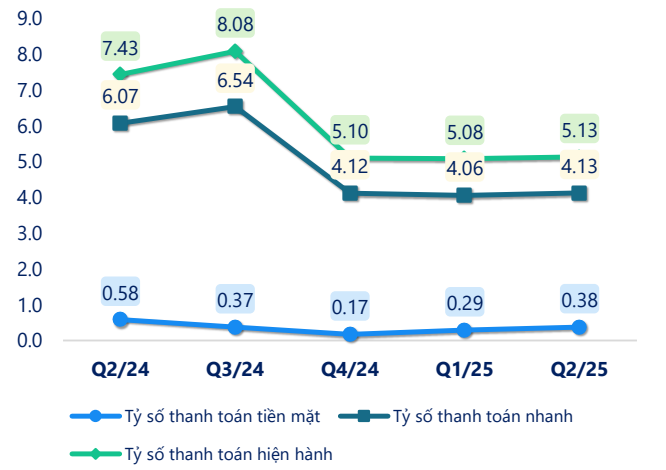
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



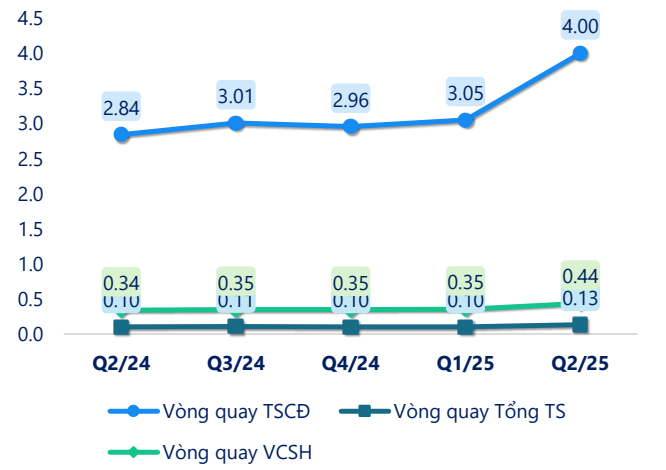
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**723**	**716**	**724**	**725**	**730**
Tài sản ngắn hạn	**314**	**302**	**300**	**308**	**317**
Tiền và tương đương tiền	24.7	13.9	10.1	17.5	23.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	218	225	211	213	221
Phải thu ngắn hạn	13.4	3.96	19.4	15.5	10.5
Hàng tồn kho	57.6	57.6	57.6	62.2	62.2
Tài sản ngắn hạn khác	0.43	0.65	1.67	0.02	0
Tài sản dài hạn	**409**	**415**	**424**	**416**	**413**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	24.7	24.6	23.8	24.0	23.3
Bất động sản đầu tư	118	116	114	107	105
Tài sản dở dang	136	144	158	158	158
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	130	130	128	128	127
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**504**	**495**	**514**	**512**	**509**
Nợ ngắn hạn	**42.3**	**37.3**	**58.9**	**60.7**	**61.8**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	3.19	3.21	7.08	2.85	2.82
Nợ dài hạn	462	458	455	451	447
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**219**	**221**	**210**	**213**	**221**
Vốn chủ sở hữu	**219**	**221**	**210**	**213**	**221**
Vốn điều lệ	82.0	82.0	82.0	82.0	82.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)